

PHÁT TRIỂN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ MÔN HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN DANH NAM*

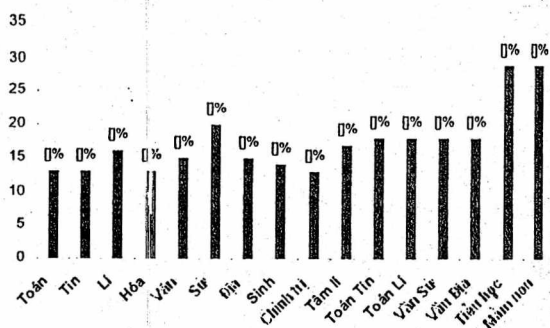
Abstract: Teacher training curriculum development plays an important role in meeting the requirement of school curriculum innovation. With the philosophy of training a teacher to be an educational expert, teacher training universities need to strengthen students' professional experience activity at schools. This paper presents an empirical research on organizing this activity in Thai Nguyen University of Education. Findings of the research show the effectiveness of the practical subject program at schools in improving pre-service teachers' professional competencies, attitude, enthusiasm and career responsibilities.

Keywords: Professional development, practical subject activity, internship.

1. Thực trạng phát triển nghiệp vụ sư phạm (NVSP) cho sinh viên (SV)

Các hoạt động phát triển NVSP trong trường sư phạm (SP) đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo (ĐT) giáo viên (GV). Tuy nhiên, hoạt động này chưa được quan tâm đúng mức ở các trường SP. Năng lực SP của nhiều SV ra trường không đáp ứng được thực tế giảng dạy ở trường phổ thông (PT). Việc chậm đổi mới phương pháp dạy học ở các trường SP và nhiều trang thiết bị dạy học "đi sau PT" đã ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình dạy và rèn nghề cho SV. Giảng viên SP chưa thực sự là mô hình mẫu về phương pháp dạy học cho SV, bao gồm cả những giảng viên thuộc bộ môn phương pháp giảng dạy. Đặc biệt, chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa trường SP với các trường PT trong ĐT NVSP cho SV, trong đó những GV dạy giỏi có kinh nghiệm thực tiễn ở trường PT chưa tham gia tích cực vào các hoạt động ĐT GV ở trường SP.

Chương trình ĐT chưa chú trọng đến phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV, thể hiện ở số giờ lý thuyết còn nhiều trong khi số giờ dành cho thực hành, thực tế, thảo luận, seminar lại tương đối ít. Trong quá trình rà soát chương trình ĐT của nhà trường, chúng tôi nhận thấy đa số các học phần (thuộc chương trình ĐT cũ) chỉ dành khoảng 10% cho các hoạt động thực hành và rất ít số tiết dành cho thảo luận. Do vậy, có thể nói chương trình ĐT còn hàn lâm, tỉ lệ khối kiến thức NVSP so với khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức ngành vẫn còn tương đối thấp (hầu hết là dưới 20%), trừ một số ngành ĐT đặc thù như giáo dục (GD) tiểu học và GD mầm non.



Tỉ lệ khối kiến thức NVSP trong chương trình ĐT

Khối kiến thức NVSP chiếm tỉ lệ thấp là chưa phù hợp, chương trình ĐT còn nặng về khối kiến thức khoa học chuyên ngành. Tổng thời gian 10 tuần để SV được xuống trường PT trong suốt khóa học (3 tuần kiến tập SP và 7 tuần thực tập SP) là quá ít và đến tận năm thứ ba SV mới được tham gia hoạt động này. Do đó, việc rèn luyện kỹ năng SP của SV còn hạn chế. Theo đánh giá của GV hướng dẫn ở các trường PT thì SV còn yếu về các kỹ năng mềm; kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội và hoạt động trải nghiệm sáng tạo, kỹ năng xử lý các tình huống SP, kỹ năng nghiên cứu khoa học GD, kỹ năng tư vấn giúp đỡ học sinh (HS) học tập. Đặc biệt, SV còn thiếu tự tin trong giao tiếp với GV và HS, chưa có ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập cũng như việc chấp nhận thử thách.

Năng lực SP của SV được hình thành và phát triển trong môi trường thực hành nghề mang tính hệ thống mà ở đó các em được trải nghiệm, rèn luyện tay nghề dạy học và GD dưới nhiều hình thức khác nhau ngay từ năm thứ nhất. Do đó, việc tạo điều kiện cho SV

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

được tiếp xúc với môi trường GD PT một cách thường xuyên đóng vai trò quan trọng trong việc giúp SV nhận thức được những kĩ năng nghề nghiệp của mình còn hạn chế và biết xây dựng kế hoạch bồi dưỡng những năng lực cần thiết đáp ứng yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở trường PT.

2. Tổ chức hoạt động thực tế môn học ở trường PT

Trong chương trình ĐT mới của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, các học phần liên quan đến GD PT (như *Tâm lí học, GD học và Phương pháp dạy học bộ môn*) đều được cắt giảm lí thuyết, tăng số giờ học thực hành và vận dụng thực tế ở trường PT. Thông qua hoạt động này, SV được tiếp xúc với thực tế GD PT với vai trò của người GV; quan sát trường học, lớp học, các hoạt động của GV và HS; giao tiếp với GV và HS, nghiên cứu tâm lí HS, học hỏi kinh nghiệm của GV; phân tích hồ sơ HS; giúp đỡ HS học tập theo nhóm; ghi chép, tổng hợp thông tin về giờ dạy và các hoạt động GD khác nhằm tìm hiểu thực trạng GD PT; hiểu được các chức năng, nhiệm vụ, những năng lực cần có của người GV để từ đó hình thành kĩ năng, thái độ và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Qua đó, giúp SV có ý thức tự điều chỉnh và lập kế hoạch rèn luyện bản thân đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp trong tương lai. Chính những xúc cảm đầu tiên này sẽ tạo động lực và là xuất phát điểm quan trọng để SV hình thành nhân cách của GV tương lai, tâm huyết với nghề và tận tụy với HS.

Cụ thể: *Năm thứ nhất*, SV xuống trường PT tiếp xúc với GV và HS để làm quen với GD PT với tư cách là người GV như: *tìm hiểu môi trường GD, quan sát SP, nghiên cứu tâm lí lứa tuổi và hồ sơ cá nhân HS, tìm hiểu các biện pháp GD HS, làm bài tập nghiên cứu GD*; *Năm thứ hai*, SV tiếp tục xuống trường PT thực tế với những nội dung như: *tìm hiểu công tác chủ nhiệm lớp, tham gia sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ để tìm hiểu giờ dạy, giúp đỡ HS học tập, vận dụng lí luận vào thực tiễn và tham gia các hoạt động GD khác*. Với những nội dung này, SV bước đầu đã rèn luyện một số phẩm chất, năng lực cần thiết của người GV như: tự tin trước HS; ý thức được vị trí, vai trò của mình trong việc giúp đỡ, GD HS; thấy được những thiếu sót của mình về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ so với yêu cầu của thực tế giảng dạy; *Năm thứ ba*, SV xuống trường PT để *làm công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động tập thể, rèn luyện kĩ năng xử lí các tình huống SP, dự giờ và soạn bài dạy thử nghiệm, liên hệ thực tế kiến thức môn*

học, phân tích hình thức và phương pháp tổ chức dạy học, tham gia hoạt động tình nguyện và tổ chức các sự kiện; *Năm thứ tư*, SV xuống trường PT để *thực tập giảng dạy và thực tập GD, sinh hoạt tổ chuyên môn và nghiên cứu bài học, trợ giảng, giúp đỡ HS yếu kém và bồi dưỡng HS giỏi*. Đến giai đoạn này, SV sẽ không còn cảm thấy ngỡ ngàng khi đứng trên bục giảng nữa vì các em đã được rèn luyện bản lĩnh nghề nghiệp, các thao tác nghề nghiệp, các kĩ năng dạy học và GD từ các đợt thực tế môn học ngay từ năm thứ nhất.

Để tổ chức được các hoạt động trên, nhà trường đã phối hợp với Sở GD-ĐT thiết lập hệ thống các trường thực hành "vệ tinh" và ban hành Quy chế thực tế môn học. Trong Quy chế ghi rõ: "*Thực tế chuyên môn là hoạt động bắt buộc đối với các học phần có liên quan trực tiếp đến GD PT*" (1). Mỗi tín chỉ dành 03 tiết bài tập (hoặc thực hành, thảo luận) tương đương với một buổi thực tế để SV xuống các trường PT học tập, nghiên cứu. Điều này có nghĩa là một phần nội dung của môn học được chuyển cho GV PT giảng dạy và hướng dẫn SV. Để có thể tham gia hoạt động này, SV phải đi theo nhóm (5-10 SV) và tự sắp xếp thời gian hợp lí ở trường SP để xuống trường PT. Kết thúc đợt thực tế, SV phải xin xác nhận đã tham gia các hoạt động của GV hướng dẫn ở trường PT vào phiếu thực tế, viết báo cáo thực tế theo yêu cầu của giảng viên giảng dạy học phần ở trường SP và được đánh giá là một điểm thành phần của môn học. Giảng viên SP có nhiệm vụ xây dựng danh mục các hoạt động mà SV phải hoàn thành trong thời gian thực tế môn học; tham gia dự giờ ít nhất 01 tiết cùng với nhóm SV tại trường PT, trao đổi với GV PT và đánh giá kết quả thực tế dựa trên sản phẩm (báo cáo thực tế) của SV.

Mô hình này tạo điều kiện cho SV được làm quen nhiều hơn với công việc của nghề dạy học, liên hệ giữa kiến thức trong nhà trường với thực tế giảng dạy, giữa kiến thức ở bậc đại học với kiến thức ở bậc PT, thể nghiệm và vận dụng những gì tích lũy được ở trường đại học vào các hoạt động dạy học cụ thể. Để làm được điều này, cần phải có sự liên thông, gắn kết chương trình ĐT của trường SP và thực tế dạy học ở trường PT, cả về chuyên môn và nghiệp vụ, cả về lí thuyết lẫn thực hành. Trong quá trình triển khai, trường SP tôn trọng tính độc lập của các trường thực hành "vệ tinh" trong công tác chuyên môn và hoạt động thực tế môn học phải được thực hiện theo kế hoạch do hai bên thống nhất để không gây ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy của trường PT. Đặc biệt, quan

hệ với trường PT phải dựa trên nguyên tắc: *tôn trọng, giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau*. Thật vậy, sự tương tác tích cực giữa SV và GV PT sẽ mang lại lợi ích cho cả hai bên: SV được GV PT chia sẻ kinh nghiệm dạy học, hướng dẫn tổ chức các hoạt động dạy học và GD; GV PT được bồi dưỡng, phát triển thêm kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp thông qua quá trình tiếp xúc với SV SP; SV giúp đỡ nhóm HS học tập theo nhóm, trợ giảng cho GV PT. Điều này cho phép trường PT tham gia nhiều hơn vào quy trình ĐT GV nhằm tiến tới mục tiêu gắn ĐT với việc sử dụng hợp lý nguồn nhân lực trong ngành GD.

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động thực tế môn học

Kết thúc mỗi đợt thực tế môn học, SV được lấy ý kiến phản hồi về hiệu quả của hoạt động này trong việc phát triển NVSP. Các ý kiến đưa ra được trình bày tóm tắt như sau: Hiểu rõ công việc của người GV ở trường PT (công tác chủ nhiệm, giảng dạy, công tác Đoàn - Đội, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn); Nắm rõ quy trình tiết giảng dạy ở trường PT, rèn luyện kỹ năng dạy học; Hiểu thêm về tâm lý của HS PT; Tiếp thu được nhiều kiến thức, rèn luyện kỹ năng SP; Áp dụng lý thuyết môn học vào hoạt động thực hành và hiểu rõ thực tiễn giảng dạy ở trường PT; Biết cách phân tích chương trình sách giáo khoa PT; Có điều kiện rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tích cực, chủ động trong giao tiếp với HS và GV; Rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động GD, các hoạt động phong trào ở trường PT; Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch thực tế môn học, lập kế hoạch chủ nhiệm lớp, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa; Biết cách ghi phiếu dự giờ, đánh giá một giờ dạy ở PT; Trau dồi thêm kiến thức về các phương pháp dạy học ở trường PT, nắm được cách giảng dạy của GV PT; Gần gũi với HS, cảm thấy yêu nghề hơn; Hiểu thêm về hoàn cảnh cá nhân của HS tác động đến kết quả học tập của các em. Từ đó, hiểu hơn về môi trường GD ở PT.

Sau đây là kết quả đánh giá của 228 SV về các nội dung thực tế môn học tại các trường thực hành SP "vệ tinh" của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên trong năm học 2014-2015 với thang đánh giá theo các mức độ từ 1-4 (1 - Rất không hiệu quả; 2 - Không hiệu quả; 3 - Hiệu quả; 4 - Rất hiệu quả): (xem *bảng*).

Từ kết quả trên, chúng ta nhận thấy, SV đánh giá rất cao hoạt động quan sát, dự giờ và phân tích bài học ở trường PT. Thông qua hoạt động này, SV nắm được những phương pháp tổ chức dạy học,

quản lý lớp học và hành vi của HS, xử lý các tình huống SP, ... Từ đó, liên hệ với lý thuyết về tâm lý học, GD học và phương pháp dạy học đã được học ở trường SP. SV cũng đánh giá cao hiệu quả của hoạt động tìm hiểu và phân tích chương trình sách giáo khoa PT trong đợt thực tế môn học.

Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai hoạt động này còn một số khó khăn và thách thức sau: việc sắp xếp thời gian đi thực tế và tham dự học các học phần khác ở trường SP chưa linh hoạt; quá trình di chuyển của SV, đặc biệt là các trường ở địa điểm cách xa trường SP; giảng viên giao nhiệm vụ chưa rõ ràng nên SV còn nhiều lúng túng, chưa biết lập kế hoạch; SV thiếu nhiều kỹ năng cần thiết, đặc biệt là kỹ năng xử lý tình huống SP và giao tiếp với HS, có trường hợp HS không hợp tác với SV; cơ sở vật chất ở trường PT còn nhiều thiếu thốn; thời gian thực tế và trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp còn ít, SV chưa được tiếp xúc nhiều với HS, đặc biệt là hoạt động tư vấn và giúp đỡ HS học tập; kinh phí chi trả cho hoạt động thực tế còn ít; một số GV PT chưa nhiệt tình trong giúp đỡ SV học nghề.

4. Một số giải pháp phát triển NVSP cho SV

Từ kinh nghiệm tổ chức triển khai hoạt động thực tế môn học ở các trường thực hành SP "vệ tinh", chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa trường SP và trường PT trong tổ chức thực tế môn học, hình thành đội ngũ điều phối viên của trường SP là GV PT để quản lý các hoạt động của SV tại trường PT.

Bảng đánh giá hiệu quả của hoạt động thực tế môn học

TT	Hoạt động ở trường PT	Trung bình
1	Tìm hiểu môi trường GD PT	3,2
2	Tìm hiểu hoạt động của tổ chuyên môn và tìm hiểu nội dung, chương trình sách giáo khoa PT	3,5
3	Tìm hiểu công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn và nghiên cứu hồ sơ cá nhân của HS	3,4
4	Vận dụng kiến thức về tâm lý học, GD học và phương pháp dạy học bộ môn vào thực tế GD PT	3,6
5	Thiết kế mẫu phiếu điều tra, phỏng vấn GV và HS	3,2
6	Dự giờ, tìm hiểu hoạt động dạy học của GV và phân tích bài học sau dự giờ	3,7
7	Tìm hiểu phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS	3,4
8	Tham gia thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS	3,4
9	Tư vấn, giúp đỡ HS về phương pháp học tập và định hướng nghề nghiệp	3,5

- Chương trình ĐT cần xác định rõ những học phần, những nội dung kiến thức cần thực tế ở trường PT, trong đó cần giảm các giờ học lí thuyết, tăng các giờ học thực hành và thực tế môn học. Với mỗi đợt thực tế môn học, nhà trường cần yêu cầu giảng viên thiết kế hoạt động và giao nhiệm vụ rõ ràng cho từng SV, trong đó chỉ rõ những yêu cầu về sản phẩm phải nộp để giảng viên đánh giá. Việc này sẽ hạn chế SV xuống trường PT chỉ để quan sát và dự giờ, ít tham gia vào các hoạt động nghiên cứu.

- Giảng viên và nhóm SV cần thường xuyên liên hệ với GV hướng dẫn ở trường PT để xuống quan sát, dự giờ và phân tích bài học sau tiết dự giờ. Hơn nữa, giảng viên cần phối hợp chặt chẽ với GV PT trong việc đề xuất và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học GD cũng như hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học ứng dụng.

- Phối hợp chặt chẽ với trường PT để cử SV tham gia các hoạt động ở trường PT như: trợ giảng cho GV, giúp đỡ tổ chức sự kiện vào những ngày lễ kỉ niệm, hoạt động tình nguyện, tư vấn và gia sư cho nhóm HS (HS yếu kém và HS khá giỏi). Đầu mỗi năm học, các trường PT gửi cho trường SP danh mục và kế hoạch tổ chức các hoạt động GD, các hoạt động phong trào để trường SP cử SV xuống tham gia hỗ trợ tổ chức và trải nghiệm.

- Trường SP cần xây dựng quy trình ĐT NVSP, quy chế rèn luyện NVSP thường xuyên. Từ đó, xây dựng phòng rèn luyện NVSP ở các trường thực hành SP "vệ tinh", có camera kết nối trực tuyến tới "trạm không gian" trực tuyến của trường SP nhằm giúp SV xem giờ giảng và phân tích video các hoạt động dạy học của GV PT. Phòng rèn luyện NVSP còn là nơi để nhóm SV tập giảng, phân tích bài học cùng GV PT, sinh hoạt chuyên môn theo nhóm, nghiên cứu tài liệu và hồ sơ HS.

- Trường SP phối hợp với các trường thực hành SP hoàn thiện hệ thống thông tin về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, số lượng HS trên trang web của nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV có cơ hội được liên hệ tiếp cận và làm việc với những GV dạy giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy thực tế ở trường PT. Tăng cường hoạt động mời GV dạy giỏi ở các trường PT tham gia giảng dạy chuyên đề rèn luyện NVSP cho SV ở trường SP, xây dựng các giờ dạy mẫu cho từng môn học nhằm phục vụ việc giảng dạy lí thuyết của giảng viên SP.

5. Tóm lại, theo đánh giá ban đầu của các giảng

viên và SV tham gia thực tế môn học thì đây là hoạt động rất thiết thực và bổ ích. SV được tiếp xúc thường xuyên hơn với môi trường GD PT bên cạnh các đợt thực tập SP. Thông qua các hoạt động dự giờ, phân tích bài học, SV hiểu rõ hơn về phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học và GD ở trường PT. Từ đó, giúp các em liên hệ thực tế, biết cách vận dụng lí thuyết môn học vào thực tiễn giảng dạy. Đồng thời, việc được thường xuyên tiếp xúc với HS, GV ở các trường PT giúp SV có môi trường để bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp và hoàn thiện kĩ năng nghề nghiệp cho bản thân.

Trong bối cảnh đổi mới chương trình ĐT GV, các trường SP cần "đi trước PT" và phối hợp chặt chẽ với các trường PT trong quá trình ĐT NVSP cho SV. ĐT GV đáp ứng yêu cầu đổi mới GD hiện nay không chỉ là nhiệm vụ của trường SP mà cần có sự tham gia phối hợp của các trường PT từ khâu phát triển chương trình ĐT, tổ chức các hoạt động rèn luyện NVSP đến khâu đánh giá chất lượng đầu ra. Vì thế, trong chương trình ĐT GV, chỉ khi có sự tham gia tích cực, nhiệt tình từ các cơ sở sử dụng lao động thì hoạt động thực tế môn học mới thực sự có hiệu quả, giúp SV phát triển các kĩ năng nghề nghiệp của mình. Từ đó, một phần nội dung của chương trình ĐT có thể được trường SP chuyển giao cho trường PT đảm nhận. Điều này khuyến khích sự tham gia tích cực, chủ động của đội ngũ GV dạy giỏi ở trường PT vào quá trình ĐT GV. Với việc hình thành cơ chế phối hợp linh hoạt giữa trường SP và trường PT, hoạt động thực tế môn học có thể tiếp tục được mở rộng cho các học phần khác nhằm giúp SV có điều kiện để liên hệ giữa kiến thức cao cấp ở bậc đại học với kiến thức sơ cấp ở bậc PT và trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp. □

(1) Quy chế Thực tế chuyên môn ban hành kèm theo Quyết định số 586/QĐ-ĐHSP ngày 6/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Danh Nam. "Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường sư phạm". *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 11/2014.
2. Nguyễn Danh Nam. "Cơ chế phối hợp giữa trường sư phạm và trường phổ thông trong đào tạo giáo viên theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng". *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 3/2015.